

Bản án số: 11/2025/DS-ST.

Ngày: 08-07-2025.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
cầm cố tài sản, hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Ông Lưu Đức Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đình Triều- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 07 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai xét xử công khai vụ án thụ lý số 635/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 05 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 826/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 06 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty S**, địa chỉ: Số A, phường B, tỉnh N.

Đại diện theo ủy quyền: Ông T, sinh năm 1985, địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C (xã D, huyện E cũ), tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà T, sinh năm 1986, địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 10 năm 2024 của nguyên đơn- Công Ty S và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 18/12/2021, bà T có đến Công Ty S để ký hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể: theo hợp đồng số: PVM211201002NA17X được ký giữa các bên ngày 18/12/2021, số đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục đăng ký Quốc Gia: Giaodichdambao/botuphap: 1342136665 theo website : <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>

Bà T cầm cố tài sản là: 01 xe mô tô hai bánh BKS 60C1-925.43, loại xe HONDA Vision 110cc Fi Màu: ĐEN ĐỎ, Số khung RLHJF5814GY716988 - Số máy JF66E0717012, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 035636 do Công an huyện E cấp ngày 11/10/2017 để lấy số tiền là 11.000.000 VNĐ (mười một triệu đồng); thời hạn cầm cố là 6 tháng (từ 18/12/2021 đến 18/06/2022) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng, phí quản lý hồ sơ cố định: bằng 1.9%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hồ sơ và nhận tiền. Phí bảo dưỡng và hao mòn xe là 231.000 VNĐ/tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã chuyển khoản đầy đủ số tiền trên cho bà T. Do nhu cầu cần có xe đi lại sử dụng hàng ngày nên bà T có làm giấy xin mượn lại xe và phía công ty đã đồng ý cho bà T mượn lại xe thông qua việc kí kết giữa 02 bên trên Giấy Mượn Xe. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe là 30 ngày từ 18/12/2021 đến hết 18/01/2022, bà T có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: "Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận".

Quá trình trả nợ, bà T đã thanh toán cho Công ty tổng cộng: 0 VNĐ. Bà T chưa thanh toán kể từ ngày 18/01/2022 cho đến nay đã quá hạn hợp đồng 1.267 ngày bà T không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty chúng tôi. Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà bà T tại địa chỉ: ấp A, xã B, huyện E, tỉnh Đồng Nai(nay là ấp A, xã B, tỉnh Đồng Nai). Nhưng đều không gặp, được biết bà T và gia đình vẫn còn sinh sống và làm việc tại địa phương. Chúng tôi đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để bà T trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố cho Công ty chúng tôi, nhưng bà T không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, chiếm đoạt tài sản của Công ty chúng tôi.

Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải thực hiện nghĩa vụ phải thanh toán số tiền 20.440.147 VND (hai mươi triệu bốn trăm bốn mươi ngàn một trăm bốn mươi bảy đồng) tính đến ngày 08/07/2025 bao gồm:

- + Nợ gốc còn lại tính đến ngày 08/07/2025: 11.000.000 VNĐ
- + Lãi trong hạn tính đến ngày 08/07/2025: 429.101 VNĐ
- + Phí quản lý hồ sơ cố định tính đến ngày 08/07/2025: 195.046 VNĐ
- + Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 08/07/2025: 7.430.000 VNĐ
- + Nợ phí bảo dưỡng và hao mòn xe từ khi mượn đến ngày 08/07/2025: 1.386.000 đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn- bà T không hợp tác đến Tòa án để giải quyết nên không có ý kiến.*

** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Đồng Nai:*

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Công Ty S. Về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Công Ty S và bà T có ký kết Hợp đồng cầm cố tài sản số: PVM211201002NA17X ngày 18/12/2021 để cầm cố chiếc 01 xe mô tô hai bánh BKS 60C1-925.43, loại xe HONDA Vision 110cc Fi Màu: đen đỏ, số khung RLHJF5814GY716988 - Số máy JF66E0717012, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 035636 do Công an huyện E cấp ngày 11/10/2017 và vay số tiền 11.000.000 đồng. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công Ty S khởi kiện. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, hợp đồng vay tài sản”.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Do các đương sự “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, hợp đồng vay tài sản”, bị đơn- bà T có nơi cư trú tại xã Bình An, huyện E nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện E (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai) theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Không có đương sự đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu nên không xem xét.

[4] Về thủ tục tố tụng: Qua xác minh tại Công an xã B, huyện E, tỉnh Đồng Nai thì bà T có đăng ký thường trú và đang ở tại tổ A, ấp C, xã B, huyện E, tỉnh Đồng Nai (nay là xã B, tỉnh Đồng Nai). Bị đơn- bà T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn-bà T.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Hợp đồng cầm cố số: PVM211201002NA17X ngày 18/12/2021 và phụ lục đính kèm được ký giữa Công Ty S và bà T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Theo hợp đồng cầm cố thì tài sản cầm cố là 01 xe mô tô hai bánh BKS 60C1-925.43, loại xe HONDA Vision 110cc Fi Màu: đen đỏ, số khung RLHJF5814GY716988 - Số máy JF66E0717012, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 035636 do Công an huyện E cấp ngày 11/10/2017; số tiền cầm cố là 11.000.000 VNĐ (mười một triệu đồng); thời hạn cầm cố là 6 tháng (từ 18/12/2021 đến 18/06/2022); với mức lãi suất là 1,1%/ tháng trên dư nợ thực tế; thời hạn thanh toán: định kỳ hàng tháng (bao gồm gốc và lãi trong hạn) với tiền 1.937.357,84 đồng vào ngày 18 hàng tháng từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất

trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Phí quản lý hồ sơ cố định: bằng 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hồ sơ và nhận tiền; phí kiểm tra giá trị tài sản ban đầu là 165.000 đồng và các phí phát sinh khác.

[5.2] Do nhu cầu cần có xe đi lại sử dụng hàng ngày nên bà T có làm giấy xin mượn lại xe và phía công ty đã đồng ý cho bà T mượn lại xe thông qua việc ký kết giữa 02 bên trên Giấy Mượn Xe. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe là 30 ngày từ 18/12/2021 đến hết 18/01/2022 địa điểm trả xe là tại Công ty SriS Việt Nam-chi nhánh B 01, bà T có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: "Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận". Phí bảo dưỡng và hao mòn xe là 231.000 VNĐ/tháng;

[5.3] Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng đã ký từ ngày cầm cố tài sản cho đến nay. Tính đến ngày 08/07/2025, bà T còn nợ của Công ty S tổng cộng 20.440.147 VND, bao gồm: Nợ Gốc: 11.000.000 VNĐ; Lãi trong hạn: 429.101 VNĐ; Phí quản lý hồ sơ cố định: 195.046 VNĐ; Nợ lãi quá hạn: 7.430.000 VNĐ; Nợ phí bảo dưỡng và hao mòn xe: 1.386.000 đồng.

[5.3] Bị đơn- bà T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không hợp tác đến tòa án giải quyết nên không có ý kiến.

[5.4] Do đó, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Công Ty S, buộc bà T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công Ty S khoản nợ tính đến ngày 08/07/2025, tổng cộng 20.440.147 VND, bao gồm: Nợ gốc: 11.000.000 VNĐ; Lãi trong hạn: 429.101 VNĐ; Phí quản lý hồ sơ cố định: 195.046 VNĐ; Nợ lãi quá hạn: 7.430.000 VNĐ; Nợ phí bảo dưỡng và hao mòn xe: 1.386.000 đồng. Bà T phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 09/07/2025 cho đến khi bà T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cầm cố tài sản đã ký.

[5.5] Đối với tài sản cầm cố là xe mô tô hai bánh BKS 60C1-925.43, loại xe HONDA Vision 110cc Fi Màu: đen đỏ, số khung RLHJF5814GY716988 - Số máy JF66E0717012, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 035636 do Công an huyện E cấp ngày 11/10/2017 thì hiện nay Công Ty S đã giao lại cho bà T quản lý theo Giấy mượn xe ngày 18/12/2021, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5.6] Công Ty S tự nguyện trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe số 035636 do Công an huyện E cấp ngày 11/10/2017 cho bà T khi bà T hoàn thành nghĩa vụ trả số nợ trên nên ghi nhận.

[6] Về án phí:

[6.1] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Công Ty S nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.022.007 đồng

[6.2] Hoàn trả cho nguyên đơn- Công Ty S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 454.000 đồng theo biên lai thu số 0014334 ngày 28/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2-Đồng Nai).

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên

ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314, 463, 468, 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-Công Ty S về việc “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng vay tài sản*” đối với bị đơn-bà T.

Xử buộc bà T phải có trách nhiệm thanh toán cho Công Ty S số tiền nợ tính đến ngày 08/07/2025 bao gồm nợ gốc: 11.000.000 VNĐ; Lãi trong hạn: 429.101 VNĐ; Phí quản lý hồ sơ cố định: 195.046 VNĐ; Nợ lãi quá hạn: 7.430.000 VNĐ; Nợ phí bảo dưỡng và hao mòn xe: 1.386.000 đồng, tổng cộng là 20.440.147 VND (hai mươi triệu bốn trăm bốn mươi ngàn một trăm bốn mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 09/07/2025, nếu bà T chậm thanh toán cho Công Ty S thì bà T phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm thanh toán theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố số PVM211201002NA17X ngày 18/12/2021.

Công Ty S có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe số 035636 do Công an huyện E cấp ngày 11/10/2017 cho bà T khi bà T hoàn thành nghĩa vụ trả số nợ trên.

Đối với tài sản cầm cố là xe mô tô hai bánh BKS 60C1-925.43, loại xe HONDA Vision 110cc Fi Màu: đen đỏ, số khung RLHJF5814GY716988 - Số máy JF66E0717012 các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bị đơn- bà T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.022.007 (một triệu không trăm hai mươi hai ngàn không trăm lẻ bảy) đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn- Công Ty S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 454.000 (bốn trăm năm mươi bốn ngàn) đồng theo biên lai thu số 0014334 ngày 28/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2-Đồng Nai).

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Ngọc Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà – Lưu Đức Chung

Đào Ngọc Nam